

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Tuyền.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Đăng Ninh và bà Trịnh Thị Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 25/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị S - Sinh năm: 1982 - Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1980 - Địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn vào ngày 27/7/2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có sự quan tâm lẫn nhau, anh M thường xuyên đánh đập chị. Vợ chồng tuy vẫn sống chung một nhà nhưng sự quan tâm không còn. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh M theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 05 con chung là Nguyễn Thị V - Sinh ngày: 18/3/2002; Nguyễn Thế V1 – Sinh ngày: 21/01/2004; Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20/10/2008; Nguyễn Xuân L – Sinh ngày: 30/6/2018 và Nguyễn Xuân P – Sinh

ngày: 30/6/2018. Hiện tại cháu V và cháu V1 đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu được trực tiếp nuôi 03 cháu T, L, Ph; không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa, chị S yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu T là 1.000.000đ/tháng; đối với cháu Ph và cháu L mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh M đã biết được chị S khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con: Giao 03 cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20/10/2008; Nguyễn Xuân L – Sinh ngày: 30/6/2018 và Nguyễn Xuân P – Sinh ngày: 30/6/2018 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị S, anh an Minh phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của chị Trần Thị S, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn M biết việc chị Trần Thị S xin ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh M vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 12/5/2022, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh M vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy, việc anh M không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh, nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 27/7/2001, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị S là do không có sự quan tâm lẫn nhau, anh M thường xuyên đánh đập chị.

Tại biên bản xác minh ngày 11/3/2022, đại diện thôn 9, xã L cho biết anh M và chị S sau khi kết hôn chung sống với nhau và sinh được 05 con chung, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng, cãi nhau.

HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị S được ly hôn anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị S và anh M có 05 con chung là Nguyễn Thị V - Sinh ngày: 18/3/2002; Nguyễn Thế V1 – Sinh ngày: 21/01/2004; Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20/10/2008; Nguyễn Xuân L – Sinh ngày: 30/6/2018 và Nguyễn Xuân P – Sinh ngày: 30/6/2018. Hiện tại cháu V và cháu V1 đã trưởng thành, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị S yêu được trực tiếp nuôi 03 cháu T, L, Ph; nguyện vọng của cháu T là được ở với mẹ.

HĐXX thấy, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết đến nay anh M không có ý kiến gì về con, mặt khác, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu L và cháu Ph đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên xử giao cả 03 cháu T, L, Ph cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Chị S yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu T là 1.000.000đ/tháng; cháu Ph và cháu L mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên cần buộc anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S đối với cháu T là 1.000.000đ/tháng; đối với cháu Ph và cháu L mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị S không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị S, anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị S, cho chị S được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. Về con: Giao 03 cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 20/10/2008; Nguyễn Xuân L – Sinh ngày: 30/6/2018 và Nguyễn Xuân P – Sinh ngày: 30/6/2018 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S đối với cháu T là 1.000.000đ/tháng; đối với cháu Ph và cháu L mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi các cháu thành niên. Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0014860 ngày 25/02/2022 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; chị S đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh M có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã L, huyện N;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Văn Tuyền**